

Số: /HD-SYT

An Giang, ngày tháng 5 năm 2022

HƯỚNG DẪN
Thực hiện Quy định ghi chép ban đầu và
chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành Dân số
theo Thông tư số 01/2022/TT-BYT

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BYT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Y tế về việc Quy định ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số;

Thực hiện Công văn số 423/VPUBND-KGVX ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện Thông tư số 01/2022/TT-BYT ngày 10/01/2022 của Bộ Y tế;

Sở Y tế hướng dẫn thực hiện Quy định ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số theo Thông tư số 01/2022/TT-BYT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Y tế như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư 01/2022/TT-BYT ngày 10/01/2022 quy định ghi chép ban đầu về dân số; nội dung chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số; phổ biến thông tin, số liệu thống kê chuyên ngành dân số và ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý Kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

2. Đối tượng áp dụng: Thông tư 01/2022/TT-BYT ngày 10/01/2022 áp dụng với cơ quan, tổ chức, cá nhân sau đây:

- a. Cộng tác viên dân số;
- b. Viên chức dân số cấp xã, người làm công tác dân số cấp xã của đơn vị đầu mối làm công tác dân số cấp xã (sau đây gọi chung là cán bộ dân số cấp xã);
- c. Cơ sở y tế cung cấp dịch vụ dân số;
- d. Trạm Y tế cấp xã hoặc Ban chỉ đạo công tác Dân số cấp xã (Ban Dân số cấp xã) được giao nhiệm vụ thực hiện công tác dân số (sau đây gọi chung là đơn vị đầu mối làm công tác dân số cấp xã);
- đ. Trung tâm Y tế cấp huyện được giao nhiệm vụ thực hiện công tác dân số (sau đây gọi chung là đơn vị đầu mối làm công tác dân số cấp huyện);
- e. Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh (sau đây gọi chung là đơn vị đầu mối làm công tác dân số cấp tỉnh);
- g. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số.

Điều 2. Ghi chép ban đầu về dân số (Có Mẫu của phụ lục I và các bảng hỗ trợ kèm theo)

1. Sổ Ghi chép ban đầu về dân số (Sổ A0)

a. Người thực hiện: Cộng tác viên dân số;

b. Nội dung: Thực hiện theo Mẫu và hướng dẫn ghi quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 01/2022/TT-BYT ngày 10/01/2022;

c. Hình thức: Sổ Ghi chép ban đầu về dân số (Sổ A0) gồm bìa, trang thông tin địa chỉ, các trang hỗ trợ và các trang Phiếu hộ dân cư được in sẵn trên khổ giấy A4 (29,7cm x 21 cm) và đóng thành cuốn;

d. Phương thức thu tin: Thực hiện thông qua phỏng vấn trực tiếp thành viên của hộ dân cư hoặc phỏng vấn người có trách nhiệm trong hộ, trong thôn, trong xã.

2. Phiếu thu tin về dân số (P0/CTV)

a. Người thực hiện: Cộng tác viên dân số;

b. Nội dung: Thực hiện theo mẫu và hướng dẫn ghi quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 01/2022/TT-BYT ngày 10/01/2022;

c. Phạm vi xác định thông tin là thời điểm cộng tác viên dân số thu tin, ghi chép vào Sổ A0, không tính theo thời điểm xảy ra sự kiện;

Ví dụ: trường hợp sinh ngày 11 tháng 7 năm báo cáo, nhưng cộng tác viên dân số thu tin, ghi chép ban đầu vào Sổ A0 vào tháng 8, thì phạm vi xác định thông tin là của tháng 8 năm báo cáo;

d. Nơi nhận phiếu: Đơn vị đầu mối làm công tác dân số cấp xã;

Trong ngày giao ban công tác dân số hàng tháng của đơn vị đầu mối làm công tác dân số cấp xã (Trạm Y tế cấp xã), cộng tác viên dân số nộp đầy đủ các Phiếu thu tin của địa bàn dân cư mình quản lý, gồm cả Phiếu hộ dân cư lập mới, Phiếu hộ dân cư có sửa đổi, bổ sung thông tin;

Một Phiếu hộ dân cư lập mới hoặc một Phiếu hộ dân cư đã được sửa đổi, bổ sung, cập nhật từ 05 thông tin của các thành viên trong hộ dân cư trở lên được tính là một Phiếu thu tin.

3. Nguyên tắc ghi chép

a. Phải nhanh chóng và đầy đủ, bảo đảm đúng sự thật khách quan, không biết không điền thông tin;

b. Khi ghi chép ban đầu vào Sổ A0, cộng tác viên dân số phải sử dụng đúng khái niệm và phạm vi hướng dẫn;

c. Khi ghi Phiếu thu tin, cộng tác viên dân số phải quan sát toàn diện một Phiếu hộ dân cư trong Sổ A0 và phải thực hiện lần lượt từng Phiếu hộ dân cư theo mỗi nội dung để tránh trùng lặp hoặc bỏ sót.

4. Trách nhiệm của cộng tác viên dân số

a. Hằng tháng thu tin, ghi chép ban đầu vào Sổ A0 các thông tin cập nhật của các thành viên trong hộ dân cư trên địa bàn mình quản lý;

b. Lập Phiếu thu tin vào ngày 01 đầu tháng sau tháng báo cáo theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 của Thông tư số 01/2022/TT-BYT ngày 10/01/2022;

c. Lưu trữ, quản lý và bảo quản Sổ A0.

5. Trách nhiệm của cán bộ dân số cấp xã

a. Rà soát, thẩm định thông tin trong các Phiếu thu tin;

b. Lưu trữ, bảo quản các Phiếu thu tin đã thẩm định của toàn xã.

Điều 3. Kỳ báo cáo và phương thức gửi báo cáo

1. Kỳ báo cáo

a. Báo cáo thống kê trong kỳ được tính bắt đầu từ ngày 01 đầu kỳ báo cáo cho đến hết ngày cuối kỳ báo cáo, tính theo năm dương lịch bao gồm:

- Báo cáo thống kê trong tháng được tính bắt đầu từ ngày 01 đầu tháng báo cáo cho đến hết ngày cuối của tháng báo cáo;

- Báo cáo thống kê trong quý (3 tháng) được tính bắt đầu từ ngày 01 đầu tháng đầu tiên cho đến hết ngày cuối cùng của tháng thứ ba của kỳ báo cáo;

- Báo cáo thống kê trong năm được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo;

b. Báo cáo thống kê tính đến cuối kỳ được tính tại ngày cuối của kỳ báo cáo, tính theo năm dương lịch bao gồm:

- Báo cáo thống kê tính đến cuối quý: Ngày 31 tháng 3 là ngày cuối của Quý I; ngày 30 tháng 6 là ngày cuối của Quý II; ngày 30 tháng 9 là ngày cuối của Quý III; tính đến ngày 31 tháng 12 là cuối của Quý IV của năm báo cáo;

- Báo cáo thống kê tính đến cuối năm: Ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo;

c. Báo cáo đột xuất: Trường hợp cần báo cáo thông tin, số liệu phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về dân số, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh hoặc đơn vị đầu mối là công tác dân số quy định tại điểm đ, điểm e Khoản 2 Điều 1 của Hướng dẫn này gửi đề nghị đến đơn vị báo cáo bằng văn bản, trong đó nêu rõ phạm vi, thời hạn và nội dung chỉ tiêu báo cáo.

2. Phương thức gửi báo cáo: Văn bản điện tử được thể hiện bằng một trong các hình thức sau:

a. Văn bản điện tử dưới dạng tệp tin điện tử, dạng tệp pdf của báo cáo giấy đã được xác thực (ký và đóng dấu) của đơn vị thực hiện báo cáo;

b. Báo cáo bằng tiện ích trên phần mềm tin học theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 4. Nội dung chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số

1. Báo cáo Thống kê chuyên ngành dân số cấp xã:

a. Đơn vị báo cáo: Đơn vị đầu mối làm công tác dân số cấp xã (Trạm Y tế cấp xã);

Cán bộ dân số cấp xã nhập tin từ Phiếu thu tin đã được rà soát, thẩm định, các thông tin yêu cầu khác vào Kho dữ liệu chuyên ngành dân số để lập báo cáo (Khi phần mềm MIS đã được triển khai về đến cấp xã);

Trường hợp cấp xã chưa triển khai lập báo cáo bằng tiện ích trên phần mềm tin học, cán bộ dân số cấp xã có trách nhiệm nộp đầy đủ Phiếu thu tin đã được rà soát, thẩm định của toàn xã và báo cáo giấy đến đơn vị đầu mối làm công tác dân số cấp huyện (Trung tâm Y tế cấp huyện) để nhập tin vào Kho dữ liệu chuyên ngành dân số;

b. Nội dung báo cáo: Thực hiện theo Mẫu và hướng dẫn ghi quy định tại Phụ lục II của Thông tư số 01/2022/TT-BYT ngày 10/01/2022 (Mẫu của phụ lục II kèm theo);

c. Kỳ báo cáo: Tháng, quý, năm;

d. Đơn vị nhận báo cáo: Đơn vị đầu mối làm công tác dân số cấp huyện (Trung Tâm Y tế cấp huyện), Ủy ban Nhân dân cấp xã (để biết);

đ. Thời hạn báo cáo:

- Theo Thông tư số 01/2022/TT-BYT thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ thời điểm kết thúc kỳ báo cáo.

- Tuy nhiên, các biểu mẫu tại Phụ lục II được xuất ra từ kho dữ liệu. Do đó thời hạn 05 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo là không đảm bảo đủ thời gian cho việc cập nhật thông tin, số liệu vào kho dữ liệu cấp huyện.

- Do đó Sở Y tế thống nhất thời hạn báo cáo tại các cấp như sau:

+ Trạm Y tế cấp xã báo cáo (P0/CTV, A0/CTV,... và các số liệu có liên quan về Dân số của kỳ báo cáo) về đến Trung Tâm Y tế cấp huyện **chậm nhất là ngày 07** của tháng liền sau kỳ báo cáo.

+ Cấp huyện nhập thông tin, số liệu xong, tiến hành xuất báo cáo cho cấp xã từ kho dữ liệu của cấp huyện để gửi báo cáo cho cấp xã. Đồng thời Trạm Y tế đối chiếu số liệu trong các báo cáo tại Phụ lục II nếu khớp với số liệu của xã thì trạm Y tế tiến hành ký, đóng dấu, gửi các Báo cáo về Trung tâm Y tế, Ủy ban Nhân dân cấp xã (để biết) và Trung tâm Y tế gửi báo cáo về đến Chi cục Dân số - KHHGĐ **chậm nhất là ngày 12** của tháng liền sau kỳ báo cáo.

+ Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh báo cáo về Tổng cục Dân số - KHHGĐ **chậm nhất là ngày 20** của tháng liền sau kỳ báo cáo.

2. Báo cáo Thống kê chuyên ngành dân số của Cơ sở y tế cung cấp dịch vụ dân số:

a. Đơn vị báo cáo: Cơ sở y tế (công lập và ngoài công lập) cung cấp dịch vụ dân số đóng trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

b. Nội dung báo cáo: Thực hiện theo Mẫu và hướng dẫn ghi quy định tại Phụ lục III của Thông tư số 01/2022/TT-BYT ngày 10/01/2022 (Mẫu của phụ lục III kèm theo);

c. Kỳ báo cáo: Quý;

d. Đơn vị nhận báo cáo:

- Trạm Y tế cấp xã (là đơn vị đầu mối làm công tác dân số cấp xã) nhận báo cáo của cơ sở y tế tuyến xã, cơ sở y tế (công lập và ngoài công lập) trên địa bàn (nếu có);

- Trung Tâm Y tế cấp huyện (là đơn vị đầu mối làm công tác dân số cấp huyện) nhận báo cáo của trạm Y tế cấp xã;

- Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp tỉnh nhận báo cáo của Trung Tâm Y tế cấp huyện;

- Sở Y tế nhận báo cáo của Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh;

đ. Thời hạn báo cáo:

- Theo Thông tư số 01/2022/TT-BYT ngày 10/01/2022 thì chậm nhất 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc kỳ báo cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Thông tư. Tuy nhiên, thời gian 10 ngày có thể không đảm bảo đủ thời gian, do đó Sở Y tế thống nhất ngày gửi báo cáo tại các cấp như sau:

+ Trạm Y tế cấp xã Báo cáo **chậm nhất là ngày 07** của tháng liền sau kỳ báo cáo.

+ Trung Y tế cấp huyện Báo cáo **chậm nhất là ngày 12** của tháng liền sau kỳ báo cáo.

+ Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh Báo cáo **chậm nhất là ngày 20** của tháng liền sau kỳ báo cáo.

3. Báo cáo Thống kê chuyên ngành dân số cấp huyện:

a. Đơn vị báo cáo: Đơn vị đầu mối làm công tác dân số cấp huyện

Đơn vị đầu mối làm công tác dân số cấp huyện (Trung tâm Y tế cấp huyện) có trách nhiệm rà soát, thẩm định thông tin số liệu của cấp xã. Trong ngày giao ban công tác dân số với cấp xã, đơn vị thông báo kết quả rà soát, đối chiếu thông tin, số liệu của các xã với Kho dữ liệu chuyên ngành dân số; kết quả thẩm định thông tin, số liệu tại một số địa bàn (nếu có);

b. Nội dung báo cáo: Thực hiện theo Mẫu và hướng dẫn ghi quy định tại Phụ lục IV của Thông tư số 01/2022/TT-BYT;

c. Kỳ báo cáo: Quý, năm;

d. Đơn vị nhận báo cáo: Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp tỉnh; Ban chỉ đạo Công tác dân số cấp huyện; Chi cục Thống kê cấp huyện;

đ. Thời hạn báo cáo: **Chậm nhất là ngày 12** của tháng liền sau kỳ báo cáo thống kê quy định tại Khoản 1 Điều 3 của hướng dẫn này.

e. Ngày gửi dữ liệu: Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố gửi dữ liệu định kỳ hàng tháng về đến Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh **chậm nhất là ngày 12** của tháng liền sau kỳ báo cáo.

4. Báo cáo Thống kê chuyên ngành dân số cấp tỉnh:

a. Đơn vị báo cáo: Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp tỉnh;

Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, thẩm định thông tin, số liệu của cấp huyện, cấp xã. Trong ngày giao ban công tác dân số với cấp huyện, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp tỉnh thông báo kết quả rà soát, đối chiếu thông tin, số liệu của các huyện với Kho dữ liệu chuyên ngành dân số; kết quả thẩm định thông tin, số liệu tại một số địa bàn (nếu có).

b. Nội dung báo cáo: Thực hiện theo Mẫu và hướng dẫn ghi quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BYT;

c. Kỳ báo cáo: Quý, năm;

d. Thời hạn và đơn vị nhận báo cáo:

- Kỳ báo cáo quý: **Chậm nhất 20** ngày kể từ thời điểm kết thúc kỳ báo cáo theo quy định tại hướng dẫn này, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp tỉnh gửi báo cáo đến Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Sở Y tế, Cục Thống kê tỉnh;

- Kỳ báo cáo năm: **Ngày 15 tháng 3** của năm sau năm báo cáo, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp tỉnh gửi Báo cáo thống kê chuyên ngành chính thức đến Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Sở Y tế, Cục Thống kê tỉnh, Ban chỉ đạo công tác dân số cấp tỉnh.

Điều 5. Phổ biến thông tin, số liệu thống kê chuyên ngành dân số

1. Rà soát, thống nhất số liệu thống kê chuyên ngành

a. Định kỳ hàng năm, đơn vị đầu mối làm công tác dân số cấp huyện (Trung tâm Y tế cấp huyện), Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh phối hợp với cơ quan thống kê cùng cấp thống nhất số liệu thống kê chuyên ngành dân số làm cơ sở cho việc công bố, sử dụng chính thức;

b. Nội dung thống nhất số liệu thống kê chuyên ngành tập trung vào đối chiếu và xác minh các thông tin, số liệu của các chỉ tiêu thống kê theo quy định về phân công trách nhiệm thực hiện của pháp luật về thống kê (dân số, mật độ dân số và tỷ số giới tính khi sinh).

2. Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp tỉnh có trách nhiệm phổ biến thông tin, số liệu thống kê chuyên ngành theo quy định của pháp luật về thống kê và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 6. Ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý Kho dữ liệu chuyên ngành dân số

1. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê chuyên ngành dân số, gồm các hoạt động:

a. Hoàn thiện, triển khai các phần mềm nhập tin, lập báo cáo thống kê chuyên ngành dân số, tiện ích trên phần mềm tin học, ứng dụng chuyên ngành bảo đảm khả năng truy cập, quản lý, tìm kiếm, cập nhật cơ sở dữ liệu và các kỹ thuật liên quan thống nhất từ cấp xã, huyện, tỉnh;

b. Tích hợp, khai thác số liệu thống kê từ các phần mềm ứng dụng chuyên ngành, các cơ sở dữ liệu hành chính khác thuộc trách nhiệm được giao phục vụ cho công tác thống kê chuyên ngành dân số theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan được giao quản lý Kho dữ liệu chuyên ngành dân số có trách nhiệm:

a. Kiểm tra, bảo trì, sao lưu, phục hồi, cập nhật, kết xuất, lập báo cáo định kỳ và các báo cáo theo yêu cầu, chuyển dữ liệu điện tử lên cơ quan cấp trên;

b. Bảo đảm cơ sở dữ liệu phải được an toàn, an ninh, xác thực, bảo mật trên các phương tiện lưu trữ;

c. Cơ sở dữ liệu phải được sao lưu định kỳ hằng tháng, ít nhất thành 02 bộ, mỗi bộ trên 01 phương tiện lưu trữ độc lập. Việc sao lưu phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời, an toàn và thống nhất theo quy trình kiểm tra, sao lưu, phục hồi dữ liệu;

d. Thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa Kho dữ liệu chuyên ngành dân số với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của ngành y tế; với các ngành liên quan; chia sẻ cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Đơn vị gửi báo cáo

a. Chấp hành đầy đủ, chính xác, đúng nội dung thông tin, thời hạn quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung báo cáo;

b. Kiểm tra, cung cấp lại báo cáo và các thông tin liên quan đến báo cáo khi có yêu cầu của đơn vị nhận báo cáo.

2. Đơn vị nhận báo cáo

a. Thực hiện tổng hợp thông tin thống kê chuyên ngành dân số theo các biểu mẫu đã quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BYT này;

b. Yêu cầu đơn vị gửi báo cáo kiểm tra, cung cấp lại báo cáo, thông tin liên quan đến báo cáo khi cần kiểm tra tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo;

c. Công bố, phổ biến, sử dụng thông tin, số liệu thống kê chuyên ngành theo quy định pháp luật.

3. Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp tỉnh

a. Là đầu mối trong việc tiếp nhận, tổng hợp, phân tích số liệu thống kê chuyên ngành dân số trên địa bàn;

b. Trực tiếp quản lý Kho dữ liệu chuyên ngành dân số cấp tỉnh; quản lý chuyên môn, kỹ thuật của Kho dữ liệu chuyên ngành dân số các cấp trên địa bàn;

c. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu thống kê chuyên ngành; hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu tin, ghi chép ban đầu, tổng hợp số liệu, xử lý và lập báo cáo thống kê chuyên ngành.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **01 tháng 3 năm 2022**.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Các đơn vị đầu mối làm công tác dân số cấp xã, cấp huyện, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp tỉnh được tiếp tục thực hiện Quyết định số 18/QĐ-TCDS ngày 17 tháng 03 năm 2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình về việc Quy định tạm thời mẫu Sổ ghi chép ban đầu (Sổ A0), mẫu phiếu thu tin của cộng tác viên dân số và mẫu biểu báo cáo thống kê chuyên ngành của Kho dữ liệu điện tử phục vụ quản lý và điều hành công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình đến hết tháng 6 năm 2022.

Kể từ ngày 01/07/2022 tại các cấp xã, huyện, tỉnh thống nhất thực hiện theo các biểu mẫu được quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BYT ngày 10/01/2022 của Bộ Y tế quy định ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh để xem xét, hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Vụ Kế hoạch – Tài chính (TCDS);
- TTDLTT (TCDS);
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- TTYT các huyện, thị, tp;
- Các Bv Công lập và ngoài công lập;
- CCDS-KHHGĐ;
- Lưu: VT-NVY.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phan Văn Điền Phương

